

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HSST
Ngày 22 tháng 6 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhiên.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thanh**

2. Ông **Vũ Minh Đón.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2023, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 162/TB-TA ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn L Sinh ngày: 02/8/1992. Giới tính: Nam. Sinh, trú quán: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: lớp 12/12. Họ tên bố: Đỗ Văn T1. Sinh năm 1968. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Họ tên mẹ: Trần Thị M. Sinh năm 1968. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Họ tên vợ: Bùi Thái H. Sinh năm: 1993. Đã ly hôn. Bị cáo có 01 con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2015 bị Công an Thành phố Đ, tỉnh Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/03/2023 đến ngày 18/03/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

2. Bùi Đình T Sinh ngày: 27/3/ 2000. Giới tính: Nam. Sinh, trú quán: Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không.

Trình độ học vấn: 09/12. Họ tên bố: Bùi Đình T2. Sinh năm 1972. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Th. Sinh năm 1972. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Ngày 14/12/2022, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xử phạt 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng về tội Gây rối trật tự công cộng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo chưa chấp hành xong. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/03/2023, chuyển tạm giam ngày 19/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn H, xã TL, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh D Công S, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh Vũ Văn D, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn TL, xã T, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh Mai Huy P, sinh năm 1994; trú tại: thôn TH, xã T, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 2003; địa chỉ: thôn T, xã TH, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh Ngô Phương N, sinh ngày 28/9/2005; địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

Người giám hộ của anh N: Anh Đỗ Trọng C, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Hữu O, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh D Minh T4, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt)

3. Người làm chứng: Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1970, địa chỉ: thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 10/3/2023, tại đoạn đường thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh H, Công an huyện Y kiểm tra phát hiện bắt quả tang Đỗ Văn L và Bùi Đình T có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho đối tượng Nguyễn Văn T3 và Ngô Phương N. Vật chứng thu giữ: vị trí đang ngồi của T và L 01 chiếc bàn nhựa màu xanh, có dán mảnh bìa màu xanh ghi chữ “xổ số lô tô” trên mặt bàn có 01 quyển vở ô ly có bìa ngoài màu hồng, kích thước (24x17)cm,

bên trong có 02 trang ghi các chữ số tự nhiên; 01 chiếc bút bi màu xanh, nhãn hiệu Maxtix; 02 ghế nhựa màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, bên trong có lắp sim; trên người L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng, bên trong có sim và số tiền 10.040.000 đồng; trên người T số tiền 540.000 đồng; trên tay phải của T 01 mảnh giấy ô ly màu trắng, kích thước (10x5)cm có ghi các chữ, số tự nhiên; trên tay phải của N 01 mảnh giấy ô ly màu trắng, kích thước (7x5)cm có ghi các chữ, số tự nhiên.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng đầu tháng 03/2023, Đỗ Văn L, đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số lô, số đề cho người khác theo cách thức như sau: L chuẩn bị một bàn nhựa, ghế nhựa, một quyển vở ô ly màu hồng và bút bi ra ngồi tại khu vực đoạn đường thôn X, xã T, huyện Y giáp với khu công nghiệp Viglacera, cách thức khách đến mua số lô, số đề L sử dụng bút bi màu xanh ghi lại vào quyển vở ô ly màu hồng, sau đó ghi lại số lô, số đề vào mảnh giấy ô ly màu trắng đưa lại cho khách để làm căn cứ đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc hàng ngày. Số lô là 02 số cuối, số lô xiên đôi là cặp số của 02 số cuối, số lô xiên ba là 03 cặp số của 02 số cuối của tất cả các giải thưởng từ giải đặc biệt đến giải 7. Số đề là 02 số cuối của giải đặc biệt. Người trúng số lô, số đề khi số chọn mua trùng với số lô, số đề. Đỗ Văn L bán 01 điểm lô với giá 22.500đồng, nếu trúng số lô thì được 80.000đồng/1 điểm/1 lần trúng, nếu trúng lô xiên đôi thì được gấp 10 lần giá trị số mua, nếu trúng lô xiên ba thì được gấp 40 lần giá trị số mua. Nếu trúng đề thì được số tiền gấp 70 lần số tiền đã mua. Nếu không trúng số lô, số đề thì người mua mất cho người bán số tiền đã mua. Số đề L giữ nguyên giá không chiết khấu. Sau mỗi ngày bán số lô, số đề xong thì L đều xé huỷ tờ giấy đã bán số lô, số đề cho khách của ngày trước đi.

Sáng ngày 10/3/2023, Bùi Đình T đến nhà Đỗ Văn L chơi. Tại đây L rủ T tham gia đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề thì T đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, L và T mang 01 chiếc bàn nhựa màu xanh, có dán mảnh bạt màu xanh ghi chữ “xổ số lô tô”; 02 chiếc ghế nhựa, quyển vở ô ly màu hồng, bút bi ra ngồi tại đoạn đường thôn X, xã T, huyện Y, giáp với khu Công nghiệp Viglacera để bán số lô, số đề. L và T thống nhất khi có khách đến mua số lô, số đề thì T trực tiếp ghi vào quyển vở màu hồng để quản lý, L ngồi cạnh đó thanh toán tiền với khách.

*** Về hành vi ghi số lô, số đề trong ngày 10/03/2023, Đỗ Văn L và Bùi Đình T thực hiện hành vi cụ thể như sau:**

1. Hành vi bán số lô số đề giữa Đỗ Văn L, Bùi Đình T với Nguyễn Văn T3 và Ngô Phương N.

Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 10/3/2023, Nguyễn Văn T3 và Ngô Phương N đi bộ đến vị trí Bùi Đình T và Đỗ Văn L đang ngồi hỏi mua số lô, số đề thì L

và T đồng ý. T3 mua số lô 37 38 83 11 63 mỗi số 30 điểm; Ngô Phương N mua số lô 83 63 33 mỗi số 30 điểm và số đề 05 là 75.000 đồng, T ghi các số lô T3, N mua vào quyển vở ô ly bìa màu hồng và ghi vào một mảnh giấy kẻ ô ly màu trắng rồi đưa lại cho T3, N giữ; còn L ngồi bên cạnh tính tổng tiền T3 mua số lô là 3.375.000 đồng, N mua số lô số đề là 2.100.000 đồng. Sau đó T3 trả số tiền 3.375.000 đồng và N trả số tiền 2.100.000 đồng cho L cầm. L cất số tiền này trên người thì bị Công an huyện Y phát hiện bắt quả tang.

2. Hành vi bán số lô, số đề với Nguyễn Hữu O.

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 10/03/2023, Nguyễn Hữu O sử dụng tài khoản mạng xã hội Messenger tên “Oai con” nhắn tin đến tài khoản Messenger tên “ T T” của Bùi Đình T mua số lô 06 với 70 điểm, số lô 60 với 30 điểm, thành tiền là 2.250.000 đồng. Sau đó, T ghi vào sổ và báo lại cho L biết. Tổng số tiền T, L và Oai sử dụng để đánh bạc là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Hành vi bán số lô, số đề với Dương Minh T4:

Khoảng 17 giờ ngày 10/03/2023, Dương Minh T4 sử dụng số điện thoại 0965541517 của mình gọi đến số điện thoại 0835381861 của Đỗ Văn L hỏi mua số lô, số đề thì L đồng ý. T4 mua số lô 93 với 20 điểm thành tiền là 450.000 đồng, số đề 93 là 100.000 đồng, L bảo T ghi vào quyển vở. Tổng số tiền T, L và T4 sử dụng đánh bạc là 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định số 157/KL-KTHS ngày 28/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Chữ viết, chữ số tự nhiên trong mẫu cần giám định với chữ viết, chữ số tự nhiên trong mẫu so sánh là của cùng một người viết ra. Hoàn lại toàn bộ các tài liệu cần giám định và tài liệu so sánh.

Đối với 01 chiếc bàn nhựa màu xanh, có dán mảnh bạt màu xanh ghi chữ “xổ số lô tô”; 01 chiếc bút bi màu xanh, nhãn hiệu Maxtix; 02 ghế nhựa màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, bên trong có lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng, bên trong có sim; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen bên trong có sim là dụng cụ T, L sử dụng để mua bán số lô, số đề. Hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an huyện Y. Số tiền 10.580.000 đồng là tiền liên quan đến hành vi đánh bạc, hiện đang được gửi tài khoản của Công an huyện Y tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Y, H.

Đối với 01 quyển vở ô ly có bìa ngoài màu hồng, kích thước (24x17)cm, bên trong có 02 trang ghi các chữ số tự nhiên. Chuyển theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra Đỗ Văn L tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, bên trong có sim số điện thoại 0835.381.861. Theo L khai, L sử dụng chiếc điện thoại và số sim này đăng ký tài khoản zalo tên “Hải” chụp ảnh những số lô, số đề khách mua nhắn tin đến tài khoản zalo

“Tôm Nt” của đối tượng Nguyễn Văn L1 sinh năm 1993, trú tại thôn H, xã TL, huyện Y, tỉnh H để hưởng chênh lệch, với giá 01 điểm lô là 21.800 đồng/điểm, tiền để triết khấu 20%. Hàng ngày, L thanh toán cho L1 thông qua một người nam giới không rõ tên tuổi, địa chỉ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Y tiến hành lấy lời khai, đối chất giữa L và L1, tuy nhiên L1 không thừa nhận việc mua số lô, số đề với L. Ngoài lời khai của L không có tài liệu nào khác chứng minh L1 có hành vi mua số lô, số đề của L nên không có căn cứ xử lý đối với L1.

Đối với việc Đỗ Văn L khai từ đầu tháng 3/2023 đến ngày bị phát hiện L còn bán số lô, số đề cho nhiều người khác nhưng không nhớ là ai và đã xé huỷ tờ giấy đã bán số lô, số đề cho khách nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Ngô Phương N, Nguyễn Văn T3, Dương Minh T4 và Nguyễn Hữu O sử dụng số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng. Do hành vi không cấu thành tội phạm, Công an huyện Y ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N, T3, T4 và O.

*** Ngoài hành vi trên Cơ quan điều tra còn làm rõ Đỗ Văn L có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể.**

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2022 đến ngày 10/03/2023, Đỗ Văn L đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 3000đồng/1 triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (viết tắt 3.000.đ - 5.000đ), tương đương với mức lãi suất từ 0,3%/1 ngày đến 0,5%/ngày - từ 109,5%/ năm, cao hơn từ 5,48 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm), cụ thể:

- Ngày 22/12/2022, L cho anh Vũ Văn D vay 5.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận vay là 5.000đ. Đến ngày 22/02/2023, anh D trả tiền gốc và tiền lãi là 1.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của anh D là 1.327.000 đồng. Anh D không yêu cầu L phải hoàn trả.

- Ngày 23/12/2022, L cho anh D Công S vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3000đ. Đến ngày 23/02/2023, anh S trả tiền gốc và tiền lãi là 1.800.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của anh S là 1.455.000 đồng, anh S không yêu cầu L phải hoàn trả.

- Ngày 07/3/2023, L cho anh Mai Huy P vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3.000đ, 10 ngày trả tiền lãi một lần (tức 01 kỳ), cắt lãi trước 01 kỳ. Khi cho anh P vay thì L cắt lãi trước 10 ngày (từ 07/3/2023 đến ngày 17/3/2023) là 300.000 đồng. Đến ngày 19/3/2023, anh P đến nhà trả L tiền gốc nhưng L đã bị bắt nên chưa trả được. Số tiền thu lợi bất chính của anh P là 239.700 đồng, anh P không yêu cầu L phải hoàn trả.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của Đỗ Văn L là 3.021.700 đồng. Như vậy hành vi cho vay nêu trên của Đỗ Văn L chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Ngày

05/5/2023 Công an huyện có tờ trình đề nghị UBND huyện Y xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội. Ngày 08/5/2023, Chủ tịch UBND huyện Y ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 20.000.000đồng đối với Đỗ Văn L về hành vi không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự.

* Theo L khai ngày 16/12/2022 L cho anh Vũ Thái B vay 20.000.000 đồng. L và anh B thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 23/12/2022, anh B trả L số tiền gốc và tiền lãi là 700.000 đồng. Cơ quan điều tra đã triệu tập anh B nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại địa phương nên tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 65/CT-VKS-YM ngày 26/5/2023 của Viện kiểm sát huyện Y đã truy tố Các bị cáo Đỗ Văn L và Bùi Đình T về tội: Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu và đều xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo L xác định, bị cáo làm nghề tự do, tuy nhiên có thu nhập ổn định nên xin được phạt tiền, số tiền 10.040.000đồng công an thu giữ của bị cáo là tiền bị cáo bán số lô đề mà có. Bị cáo T xác định số tiền 540.000 đồng đã thu giữ là tiền của bị cáo đi làm có nên không liên quan đến tội phạm, bị cáo tự nguyện không nhận lại số tiền này mà đề nghị sung Ngân sách nhà nước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa có quan điểm xác định sự vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo cũng như quyền lợi của họ nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn L và Bùi Đình T phạm tội: Đánh bạc.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; BLHS đối với cả hai bị cáo. Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38. Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T; Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L. Xử phạt bị cáo Bùi Đình T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 107/2022/HSST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H. Trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 08/5/2022 đến ngày 14/12/2022. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/3/2023.

Phạt bị cáo Đỗ Văn L số tiền từ 35.000.000đồng đến 40.000.000đồng nộp Ngân sách nhà nước

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản gì, bị cáo L hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 10.040.000 đồng đã thu giữ của L là tiền liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 540.000 đồng thu trên người T không liên quan đến tội phạm, tại phiên tòa bị cáo T không xin nhận lại nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, bên trong có lắp sim; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen bên trong có sim, các bị cáo T, L sử dụng để mua bán số lô, số đề, nên là công cụ phương tiện phạm tội do vậy cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước. Cho tiêu hủy các sim số lắp trong điện thoại.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng, bên trong có sim đã thu giữ của L không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo L;

Đối với 01 chiếc bàn nhựa màu xanh, có dán mảnh bạt màu xanh ghi chữ “xổ số lô tô”; 01 chiếc bút bi màu xanh, nhãn hiệu Maxtix; 02 ghế nhựa màu xanh là công cụ phương tiện phạm tội hiện không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 mảnh giấy ô ly màu trắng, kích thước (10x5)cm có ghi các chữ, số tự nhiên; 01 mảnh giấy ô ly màu trắng, kích thước (7x5)cm có ghi các chữ, số tự nhiên và 01 quyển vở ô ly có bìa ngoài màu hồng, kích thước (24x17)cm, bên trong có 02 trang ghi các chữ số tự nhiên là tài liệu chuyển cùng hồ sơ vụ án nên cho lưu tại hồ sơ vụ án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo L xin được phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Các bị cáo và đại diện VKSND huyện Y đều có đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và sự vắng mặt của những người này tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/03/2023, tại đoạn đường thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Đỗ Văn L và Bùi Đình T đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn T3 với số tiền 3.375.000 đồng, cho Ngô Phương N với số tiền 2.100.000 đồng, cho Nguyễn Hữu O với số tiền 2.250.000 đồng, cho Dương Minh T4 với số tiền là 550.000 đồng. Tổng số tiền mua bán số lô, số đề là 8.275.000 đồng. Hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua bán số lô, số đề với tổng số tiền là 8.275.000 đồng của bị cáo T và L như trên đã cấu thành tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát huyện Y truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ việc đánh bạc được thua bằng tiền dưới bất cứ hình thức nào đều bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì động cơ tư lợi mà bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó việc áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của các bị cáo là cần thiết.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 14/12/2022, Bị cáo Bùi Đình T bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xử 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày 14/12/2022, về tội Gây rối trật tự công cộng, ngày 10/3/2023, khi chưa được xóa án tích, bị

cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi Đánh bạc với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm”, được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ hình phạt: Các bị cáo Bùi Đình T và Đỗ Văn L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Văn L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có đơn xin được áp dụng hình phạt tiền có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Các bị cáo đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ, trong vụ án này bị cáo L là người khởi xướng và cả hai bị cáo đều là người thực hành, cùng nhau tham gia đánh bạc với nhau nên vai trò của bị cáo L cao hơn bị cáo T, tuy nhiên bị cáo T đã có một tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm và chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo L có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có điều kiện về kinh tế nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo T không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì, bị cáo L hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 10.040.000 đồng đã thu giữ của L là tiền liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 540.000 đồng thu trên người T không liên quan đến tội phạm, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo T không nhận lại và tự nguyện sung vào Ngân sách nhà nước, nên HĐXX cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo T;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, số IMEI: 355835083938019 bên trong có lắp 01 thẻ sim nhãn hiệu Viettel có dãy số 8984.0480.0090.4278.352 niêm phong ký hiệu ĐT1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, số IMEI: 353807085016765 bên trong có 01

thẻ sim nhãn hiệu Vinaphone có dãy số 89840200011223282821 niêm phong ký hiệu ĐT3 là dụng cụ của các bị cáo T, L sử dụng để mua bán số lô, số đề, nên là công cụ phương tiện phạm tội do vậy cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước 02 hai chiếc điện thoại này. Cho tiêu hủy các sim số lắp trong điện thoại.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng, số IMEI: 357262094170797 bên trong có lắp một thẻ sim nhãn hiệu Viettel có dãy số 8984.0480.0090.1652.787 niêm phong ký hiệu ĐT2 đã thu giữ của L, L sử dụng để liên lạc cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L;

- Đối với 01 chiếc bàn nhựa màu xanh, kích thước (65x50x42)cm, có gắn bạt in chữ Xổ số lô tô; 01 chiếc bút bi màu xanh, nhãn hiệu Maxtix dài 14,5cm đường kính 01cm; 02 ghế nhựa màu xanh đều có kích thước (32x26x23)cm là công cụ phương tiện phạm tội hiện không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với 01 mảnh giấy ô ly màu trắng, kích thước (10x5)cm có ghi các chữ, số tự nhiên thu trên tay phải của Toàn; 01 mảnh giấy ô ly màu trắng, kích thước (7x5)cm có ghi các chữ, số tự nhiên thu giữ trên tay của Nam; 01 quyển vở ô ly có bìa ngoài màu hồng, kích thước (24x17)cm, bên trong có 02 trang ghi các chữ số tự nhiên là những vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục cho lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ áp dụng pháp luật:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; BLHS đối với hai bị cáo.

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38. Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T;

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn L và Bùi Đình T phạm tội Đánh bạc.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Bùi Đình T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 107/2022/HSST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H được trừ 07 (bảy) tháng 11 (mười một) ngày thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08/5/2022 đến 14/12/2022), bị cáo T còn phải chấp hành hình phạt chung của

hai bản án là 02 (hai) năm 10 (mười) tháng 19 ngày (mười chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2023.

- Phạt bị cáo Đỗ Văn L số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi năm triệu đồng) nộp Ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước tổng số tiền 10.580.000 đồng (Mười triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). (Số tiền hiện đang giữ tại tài khoản: 3949.0.9004371.00000 của Kho bạc Nhà nước Yên Mỹ).

- Tịch thu phát mại sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, số IMEI: 355835083938019 bên trong có lắp 01 thẻ sim nhãn hiệu Viettel có dãy số 8984.0480.0090.4278.352 niêm phong ký hiệu ĐT1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, số IMEI: 353807085016765 bên trong có 01 thẻ sim nhãn hiệu Vinaphone có dãy số 89840200011223282821 niêm phong ký hiệu ĐT3. Cho tiêu hủy các sim số lắp trong điện thoại.

- Trả lại bị cáo Đỗ Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng, số IMEI: 357262094170797 bên trong có lắp một thẻ sim nhãn hiệu Viettel có dãy số 8984.0480.0090.1652.787 niêm phong ký hiệu ĐT2;

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc bàn nhựa màu xanh, kích thước (65x50x42)cm, có gắn bạt in chữ Xổ số lô tô; 01 chiếc bút bi màu xanh, nhãn hiệu Maxtix dài 14,5cm đường kính 01cm; 02 ghế nhựa màu xanh đều có kích thước (32x26x23)cm.

- Lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 mảnh giấy ô ly màu trắng, kích thước (10x5)cm có ghi các chữ, số tự nhiên thu trên tay phải của Toàn; 01 mảnh giấy ô ly màu trắng, kích thước (7x5)cm có ghi các chữ, số tự nhiên; 01 quyển vở ô ly có bìa ngoài màu hồng, kích thước (24x17)cm, bên trong có 02 trang ghi các chữ số tự nhiên.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Y và Chi cục thi hành án huyện Y ngày 09/6/2023).

4. Về án phí: Các bị cáo Đỗ Văn L và Bùi Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Y;
- TAND + VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS CA huyện Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- Sở tư pháp; Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên